

Name _____

Day _____

PRONOUNCE /i:/, /i/

I. Tick the box to show which group each item is in

compete	☐	☐	fish	☐	☐
complete	☐	☐	minute	☐	☐
sleep	☐	☐	believe	☐	☐
bee	☐	☐	this	☐	☐
busy	☐	☐	sing	☐	☐
beautiful	☐	☐	Olympics	☐	☐

king	☐	☐	gym	☐	☐
build	☐	☐	receive	☐	☐
cheap	☐	☐	sheep	☐	☐
singer	☐	☐	biscuit	☐	☐
eat	☐	☐	symbol	☐	☐
meat	☐	☐	peaceful	☐	☐
people	☐	☐	big	☐	☐
seat	☐	☐	street	☐	☐

II. Click the word which has the underlined part pronounced differently from the rest.
(Hãy click vào từ có phần gạch chân phát âm khác với các từ còn lại.)

- | | | | |
|---------------|------------|-----------|-------------|
| 1 A. ocean | B. tea | C. seat | D. bean |
| 2 A. sheep | B. sheet | C. beer | D. tree |
| 3 A. sea | B. bear | C. clean | D. pea |
| 4 A. complete | B. compete | C. these | D. send |
| 5 A. mind | B. ship | C. fish | D. sing |
| 6 A. sit | B. fit | C. hit | D. sign |
| 7 A. busy | B. bull | C. minute | D. business |
| 8 A. olympics | B. gym | C. symbol | D. you |